



# Tái cơ cấu hệ thống NHTM: Kinh nghiệm Đông Á

*C n Văn L c (PhD)*

*Trình bày tại Hội thảo quốc tế  
về tái cơ cấu hệ thống NHTM*

**Hà Nội, 21-12-2011**

# Nội dung trình bày

- 1. Tái cơ cấu hệ thống NHTM: một số vấn đề cơ bản**
- 2. Tái cơ cấu hệ thống NHTM: Kinh nghiệm các nước Đông Á**
- 3. Thực trạng hệ thống NHTM Việt Nam**
- 4. Cơ cấu hệ thống NHTM Việt Nam**
- 5. Tái cơ cấu hệ thống NHTM tại Việt Nam: Gợi ý giải pháp**

# 1. Tái cơ cấu hệ thống NHTM: Một số vấn đề cơ bản

- **Thể nào là tái cơ cấu hệ thống NHTM?**

Các gói giải pháp về thể chế, tài chính và pháp lý nhằm cứu vãn những NH phá sản và khôi phục hệ thống NH trở lại hoạt động bình thường (*Waxman et al. 1998, WB*).

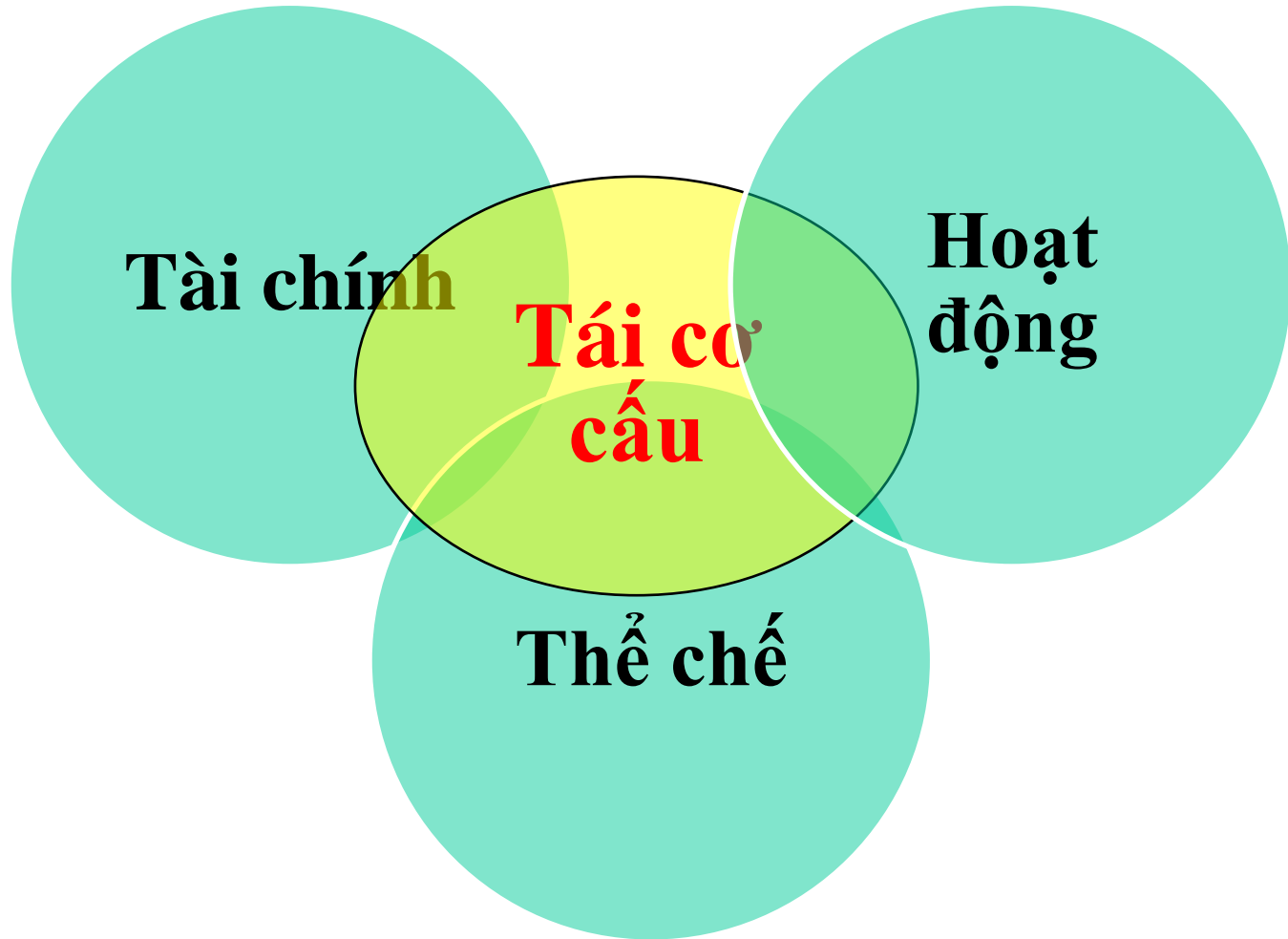
- **Khi nào phải tái cơ cấu hệ thống NH?**

- Trong điều kiện hoạt động bình thường, nhưng có những khó khăn riêng biệt (thanh khoản có vấn đề, nợ xấu cao, khách hàng kêu ca nhiều...vv); *hoặc*
- Nhiều ngân hàng khó khăn, ảnh hưởng đến **20% tổng tiền gửi** của hệ thống ngân hàng (*Lingren et al. 1999*).

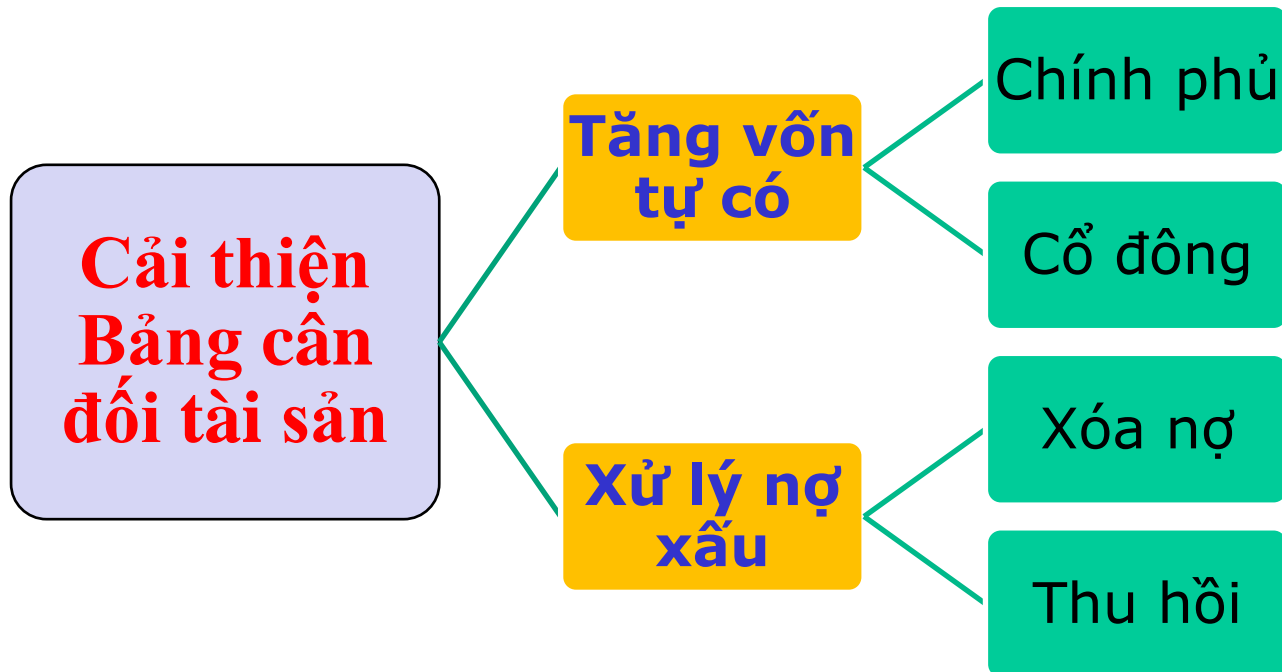
# 1. Tái cơ cấu hệ thống NHTM: Một số vấn đề cơ bản (tiếp)

- **Mục tiêu tái cơ cấu hệ thống NHTM** *(theo Dziobek & Pazarbastoglu 1998, IMF)*:
  - Khôi phục lại khả năng thanh toán và khả năng sinh lời
  - Nâng cao năng lực làm vai trò trung gian tài chính của các NH
  - Khôi phục lại niềm tin của công chúng.

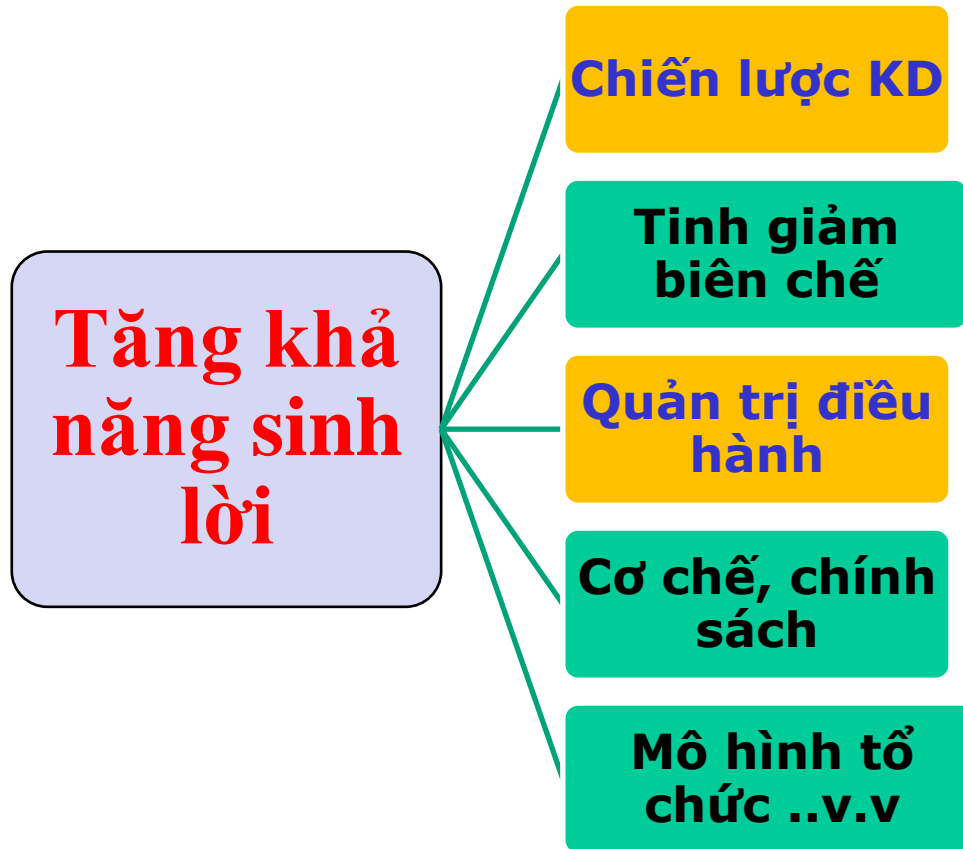
# Tái cơ cấu cái gì?



# Tái cơ cấu tài chính

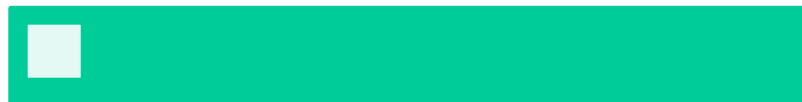


# Tái cơ cấu hoạt động



# Nâng cao năng lực thể chế

## Giám sát

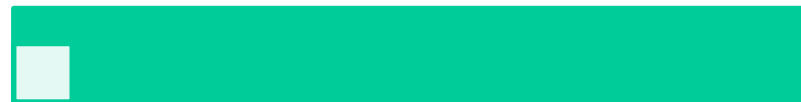


Mô hình

Phương thức

Nguồn lực

## Quản lý



Luật về tái cơ cấu NH

Các đạo luật liên quan

Hệ thống kế toán, kiểm toán

- **Bảo hiểm tiền gửi**
- **Cơ chế người cho vay cuối cùng.**



## 2. Tái cơ cấu hệ thống NHTM: Kinh nghiệm các nước Đông Á

- **Kết quả 2 công trình nghiên cứu:**
  - Luc Can and Mohamed Ariff (2009), “**Performance of East Asian banking sectors under IMF-supported programs**”, Journal of Asia Pacific Economy, 14(1), 5-26
  - Luc Can and Mohamed Ariff (2009), “**IMF Bank- Restructuring Efficiency Outcomes: Evidence from East Asia**”, Journal of Financial Services Research, 35(2), 167-187.

# Bối cảnh

- Khủng hoảng tài chính xảy ra ở 4 nước (Indonesia, S.Korea, Philippines và Thailand) năm 1997-98
- Được IMF hỗ trợ trong 4 năm (1997-2000)
- **Điều kiện: phải thực hiện các nhóm giải pháp theo yêu cầu của IMF.**
- **Gồm 3 nhóm giải pháp tổng thể đối với khu vực tài chính.**

# Ba nhóm giải pháp tổng thể đối với khu vực tài chính

## 1. Nhóm giải pháp **ổn định hệ thống tài chính-ngân hàng**:

- Hỗ trợ thanh khoản (có điều kiện)
- Bảo lãnh các khoản tiền gửi (blanket guarantee)
- Thắt chặt chính sách tiền tệ (tạm thời)
- Áp dụng trần lãi suất huy động
- Xác định và đóng cửa các NH mất khả năng thanh toán
- Chia sẻ các khoản lỗ của các NH bị đóng cửa với các chủ nợ; gia hạn một số khoản tiền gửi lớn.

# Ba nhóm giải pháp tổng thể đối với khu vực tài chính (tiếp)

## 2. Nhóm giải pháp **tái cơ cấu** khu vực tài chính-ngân hàng:

- Rà soát, đánh giá các ĐCTC
- Quy định chặt chẽ hơn về phân loại nợ và trích dự phòng rủi ro
- Lập lộ trình rõ ràng để các NH đáp ứng yêu cầu về an toàn vốn
- Can thiệp các NH mất khả năng thanh toán
- Hướng dẫn phương thức bơm vốn và mua nợ xấu của các NH
- Siết chặt quy định về cấp phép ngân hàng
- Lộ trình thoái vốn Nhà nước đối với các NH được hỗ trợ.

# Ba nhóm giải pháp tổng thể đối với khu vực tài chính (tiếp)

## 3. Nhóm giải pháp **đổi mới thể chế**:

- Thành lập cơ quan tái cơ cấu khu vực tài chính
- Thành lập công ty mua bán nợ quốc gia
- Tăng tính độc lập của NHTW và cơ quan giám sát NH
- Tăng cường công tác giám sát NH
- Tăng cường tiết lộ thông tin, chuẩn mực kế toán và kiểm toán
- Ban hành qui định về quản lý rủi ro
- Ban hành luật phá sản mới
- **Tiến hành đồng thời tái cơ cấu doanh nghiệp.**

# Nhóm giải pháp tái cơ cấu NHTM

1. Hỗ trợ thanh khoản nhằm tránh đổ vỡ
2. Đóng cửa những NH mất khả năng thanh toán
3. Sáp nhập (vào NH đang hoạt động tốt) và/hoặc thâm tóm (M&A)
4. Quốc hữu hóa NH tư nhân, sau đó thoái vốn
5. Thu hút vốn bên ngoài, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài
6. Giám sát chặt chẽ đối với NH yếu kém.

# Bảng 1: Giải pháp và số liệu thực hiện tái cơ cấu của 4 nước Đông Á

<b>Giải pháp</b>	<b>Indonesia</b>	<b>Korea</b>	<b>Philippines</b>	<b>Thailand</b>
Hỗ trợ thanh khoản (US\$ bil; % GDP)	21.7 (18%)	23.3 (5%)	0.5 (0.8%)	24 (20%)
Số NH bị đóng cửa	70/198	0	1/49	1/15
Đóng cửa các ĐCTC khác	0	200	25	59/91
Sáp nhập	4/7 NHTM QD	11/26	12/44	3 NH và 12 CTy TC
Quốc hữu hóa các ĐCTC	12	4	1	4
Cho phép nước ngoài nắm cổ phần chi phối	Có	Có	Có	Có
Giám sát chặt chẽ các ĐCTC yếu kém	Có	Có	Có	Có
Thay đổi đội ngũ lãnh đạo NH	Không	6/11	Không	3/11
Số NHTM còn lại sau tái cơ cấu	102 (từ 198)	14 (từ 26)	41 (từ 49)	14 (từ 15)

Nguồn: Claessens et al. (1999) và NHTW các nước; Luc Can and M. Ariff (2009).

# Mô hình và phương pháp nghiên cứu

- 4 nước được IMF hỗ trợ (Indo, Hàn Quốc, Philipin, Thái Lan)
- **Mẫu nghiên cứu:** 138 NHTM
- **Giai đoạn 1991-2005;** chia làm 3 gđ: trước IMF (1991-97), trong khi IMF hỗ trợ (1998-2000) và sau khi được IMF hỗ trợ (2001-2005).
- So sánh trước và sau khi được IMF hỗ trợ
- Dùng **mô hình Ghosh (2006)** đo lường cơ cấu và hiệu quả của hệ thống NH và **mô hình DEA** đo lường hiệu quả của từng NHTM.



## Bảng 2: Mô tả mẫu nghiên cứu

	Indonesia	Hàn Quốc	Philippines	Thailand	Tổng số
<b>NH quốc doanh</b>	5	2	2	4	13
<b>NH tư nhân</b>	61	24	30	10	125
<b>NH niêm yết</b>	24	21	21	8	74
<b>NH không niêm yết</b>	42	5	11	6	64
<b>NH không tái cơ cấu</b>	21	3	17	0	41
<b>NH tái cơ cấu</b>	45	23	15	14	97
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đóng cửa</i>	29	14	8	3	54
<i>M&amp;A</i>	4	5	6	7	22
<i>Hỗ trợ vốn</i>	12	4	1	4	21
<i>Thoái vốn (về sau)</i>	6	0	0	3	9
<i>Có tham gia của NH nước ngoài</i>	12	8	14	10	44
<b>Tổng số NH</b>	<b>66</b>	<b>26</b>	<b>32</b>	<b>14</b>	<b>138</b>
<b>Thị phần trong hệ thống (%)</b>	<b>82</b>	<b>68</b>	<b>77</b>	<b>75</b>	

# Hiệu quả tái cơ cấu

**Bảng 3: So sánh cơ cấu trước (1996) và sau khi tái cơ cấu hệ thống NHTM (2005)**

	Indonesia	Hàn Quốc	Philippines	Thailand
<b>Tổng TS/GDP (%)</b>	<b>53→64</b>	<b>105→140</b>	97→82	120→112
<b>Số chi nhánh/1000 người</b>	6→5.2	13.8→13.4	7.7→7.2	<b>9.6→9.9</b>
<b>Thị phần TS 5 NH lớn nhất (%)</b>	<b>71.4→77</b>	<b>49→85</b>	<b>51→67</b>	<b>71→78</b>
<b>Thị phần TS của NHTM nhà nước (%)</b>	62→52	<b>5→10</b>	<b>13→18</b>	<b>21→35</b>
<b>Thị phần TS của khối NH có th.gia của NH nước ngoài (%)</b>	<b>5.2→22</b>	<b>2→12</b>	4.5→1.2	<b>1.3→5.5</b>

# Hiệu quả tái cơ cấu (tiếp)

**Bảng 4: So sánh hoạt động của hệ thống NHTM trước (1998-00) và sau khi tái cơ cấu (2001-05)**

	Indonesia	Hàn Quốc	Philippines	Thailand
M2/GDP (%)	59→54	127→125	62→56	105→96
TD ngân hàng/GDP (%)	31→20.5	<b>72→90</b>	48→35	103→77
Tiền mặt/T.gửi (%)	9.5→11	<b>5.2→3.5</b>	<b>11.2→10.7</b>	8.4→10.5
Nợ quá hạn/Dư nợ (%)	37→8.5	<b>13→2.4</b>	12.6→13.5	<b>33→11</b>
ROA (%)	<b>-3.4→1.7</b>	<b>-2.3→0.75</b>	<b>0.6→1</b>	<b>-4→0.3</b>

# Hiệu quả tái cơ cấu (tiếp)

Kết quả nghiên cứu “hiệu quả/efficiency” của các nhóm giải pháp tái cơ cấu trên đối với 138 NHTM tại 4 nước, cho thấy:

- Tái cơ cấu là cần thiết
- Đóng cửa NH yếu kém là 1 chính sách đúng về hiệu quả kinh tế
- Các NH sau khi sáp nhập chịu lỗ (kém hiệu quả hơn) trong ngắn hạn
- Quốc hữu hóa, sau đó thoái vốn cho các nhà đầu tư tư nhân đem lại hiệu quả tốt hơn so với trước khi tái cơ cấu
- Kêu gọi vốn tư nhân bên ngoài, bao gồm cả các nhà đầu tư nước ngoài, đem lại hiệu quả tốt hơn so với trước khi tái cơ cấu.

# Bài học kinh nghiệm

1. Khi xảy ra khủng hoảng tài chính hoặc NH hoạt động khó khăn, tái cơ cấu là cần thiết
2. Ổn định hệ thống tài chính và khôi phục niềm tin của công chúng được coi là biện pháp mạnh đầu tiên
3. Áp dụng các biện pháp khẩn cấp ngăn chặn hiện tượng rút tiền từ hệ thống NH với sự bảo đảm vô điều kiện quyền lợi người gửi tiền
4. NHTW hỗ trợ thanh khoản là cần thiết nhưng phải tính đến điều kiện thoái vốn
5. Thiết lập hành lang pháp lý và lộ trình tái cơ cấu.

# Bài học kinh nghiệm (tiếp)

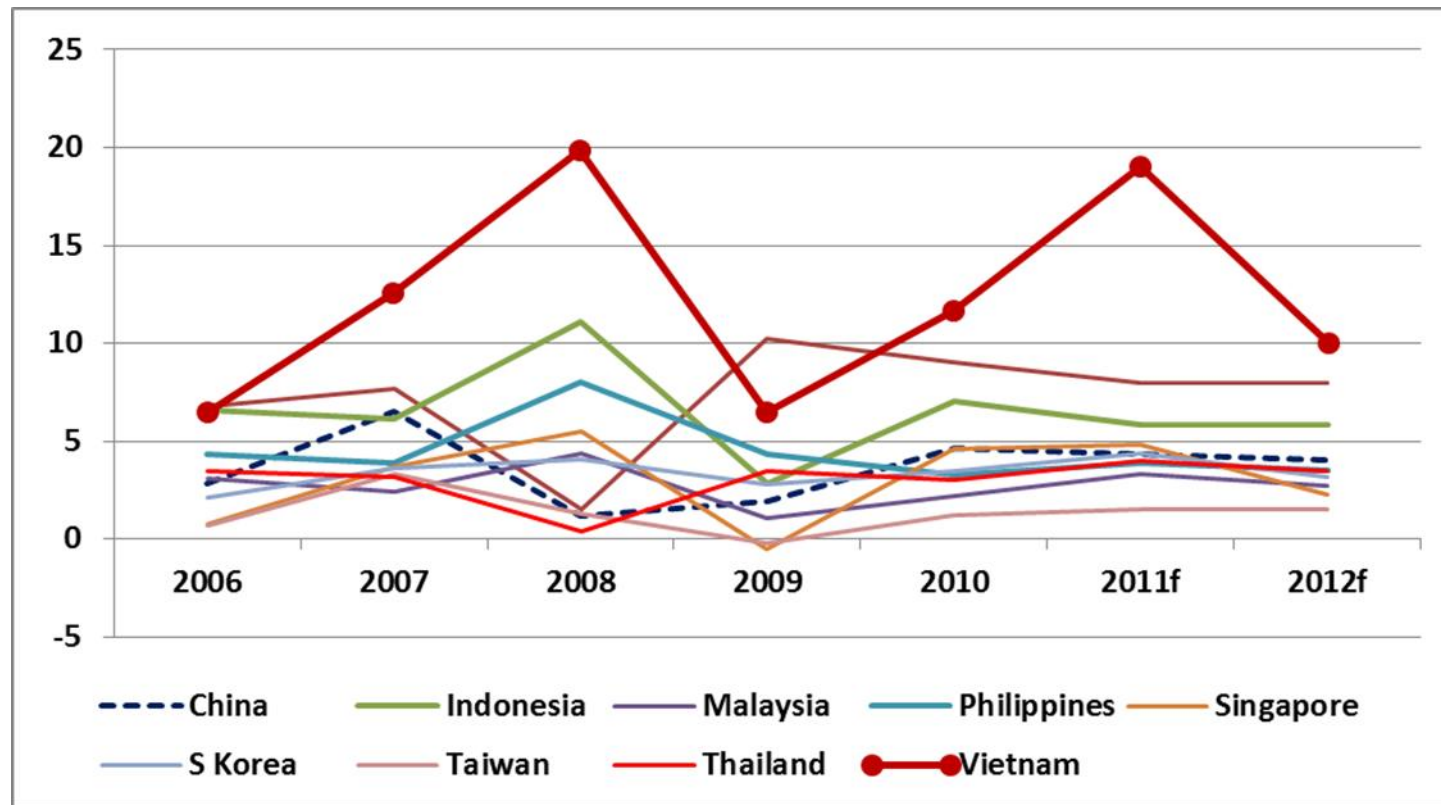
6. Qui định cụ thể phương pháp và tiêu chí định giá tài sản và phân loại NH
7. Điều kiện và lộ trình đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu là rất quan trọng
8. Xây dựng phương án tài chính đối với chi phí tái cơ cấu
9. Vai trò của nhà nước và quyết tâm chính trị là nhân tố quan trọng
10. Phải đồng thời tiến hành tái cơ cấu doanh nghiệp.

# 3. Thực trạng thị trường ngân hàng VN



- Áp lực (nổi lo) lạm phát, lãi suất cao
- Tín dụng luôn “tỏa nhiệt”
- Tín dụng đen đỏ bề, gây xáo trộn, bất ổn
- Quy mô vốn các NH còn rất nhỏ
- Hiệu quả chưa cao theo chuẩn quốc tế
- Nợ quá hạn và rủi ro thanh khoản xấu đi
- Cơ cấu thu nhập chưa hợp lý, không bền vững
- Chế độ kế toán còn ‘vênh’ nhiều so với thông lệ quốc tế
- Cạnh tranh không lành mạnh.

# nh 1: t (CPI) của VN so với khu vực (%, so cùng kỳ năm trước)



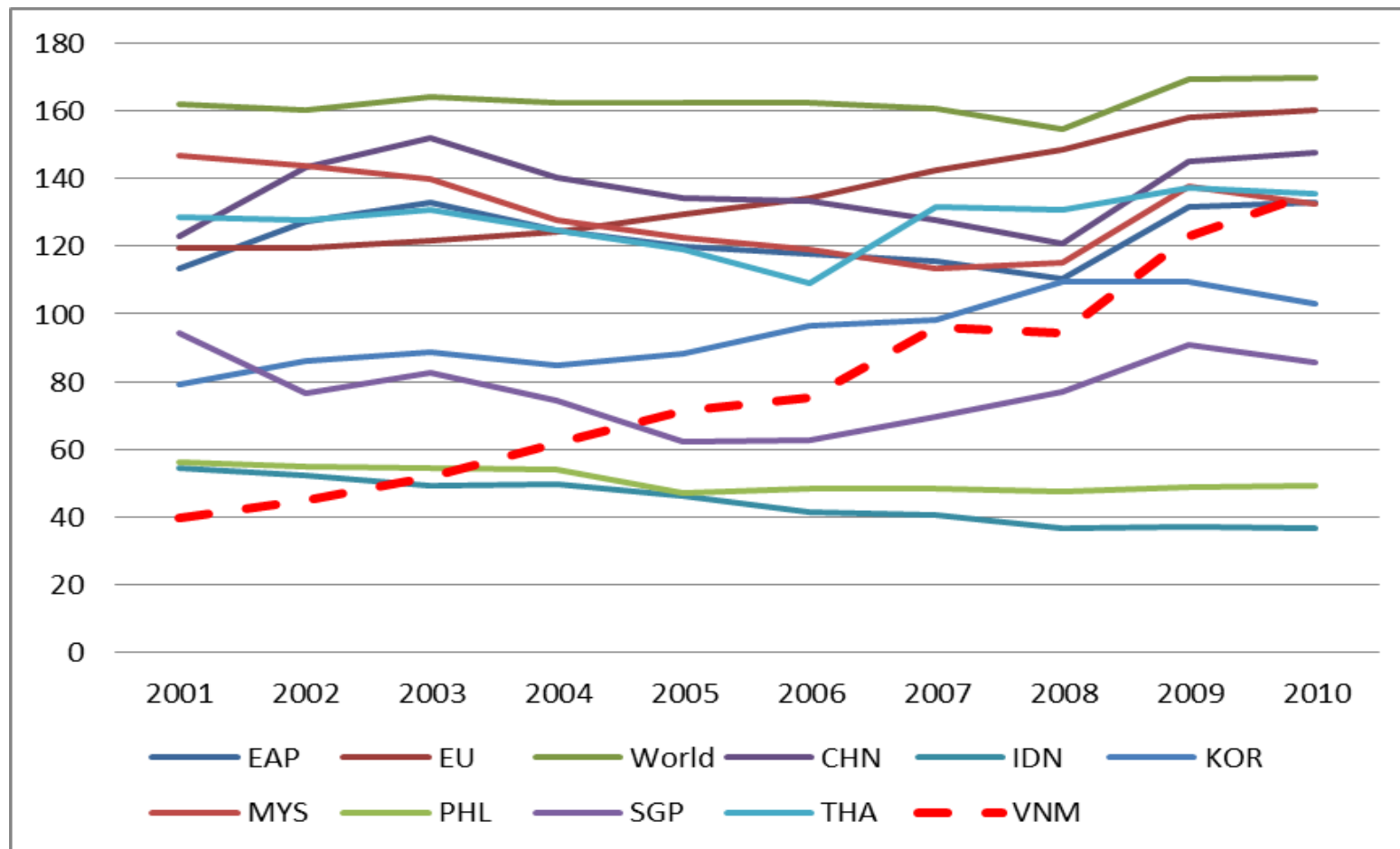
n:

a Citi, EIU (2011).

**n của t Nam.**

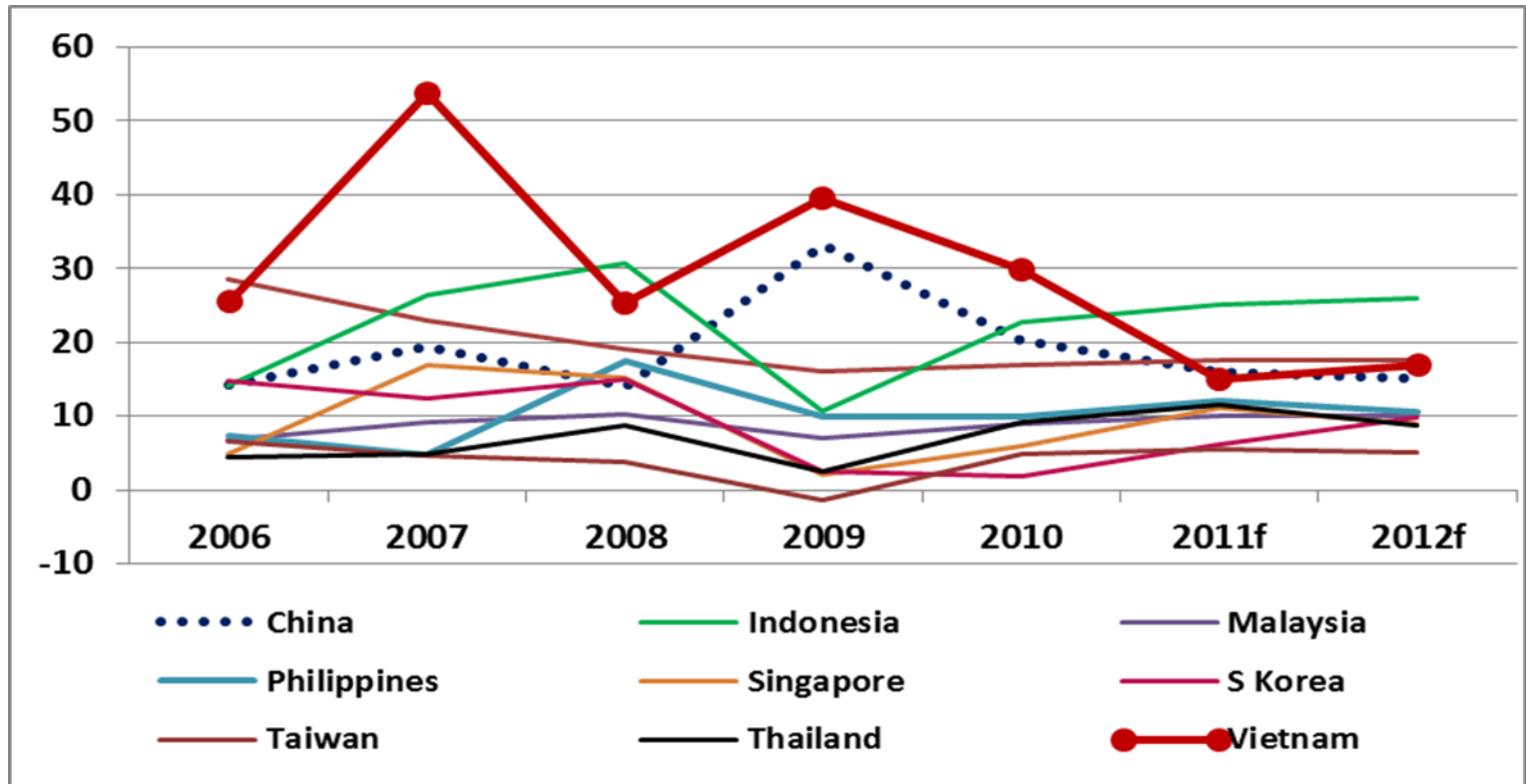


## H2: Qui mô tín dụng của VN và các nước (% GDP)



Nguồn: WB Financial Sector Indicators 2011.

### nh 3: Tăng trưởng t ng của VN so với khu vực (%, thay đổi hàng năm)

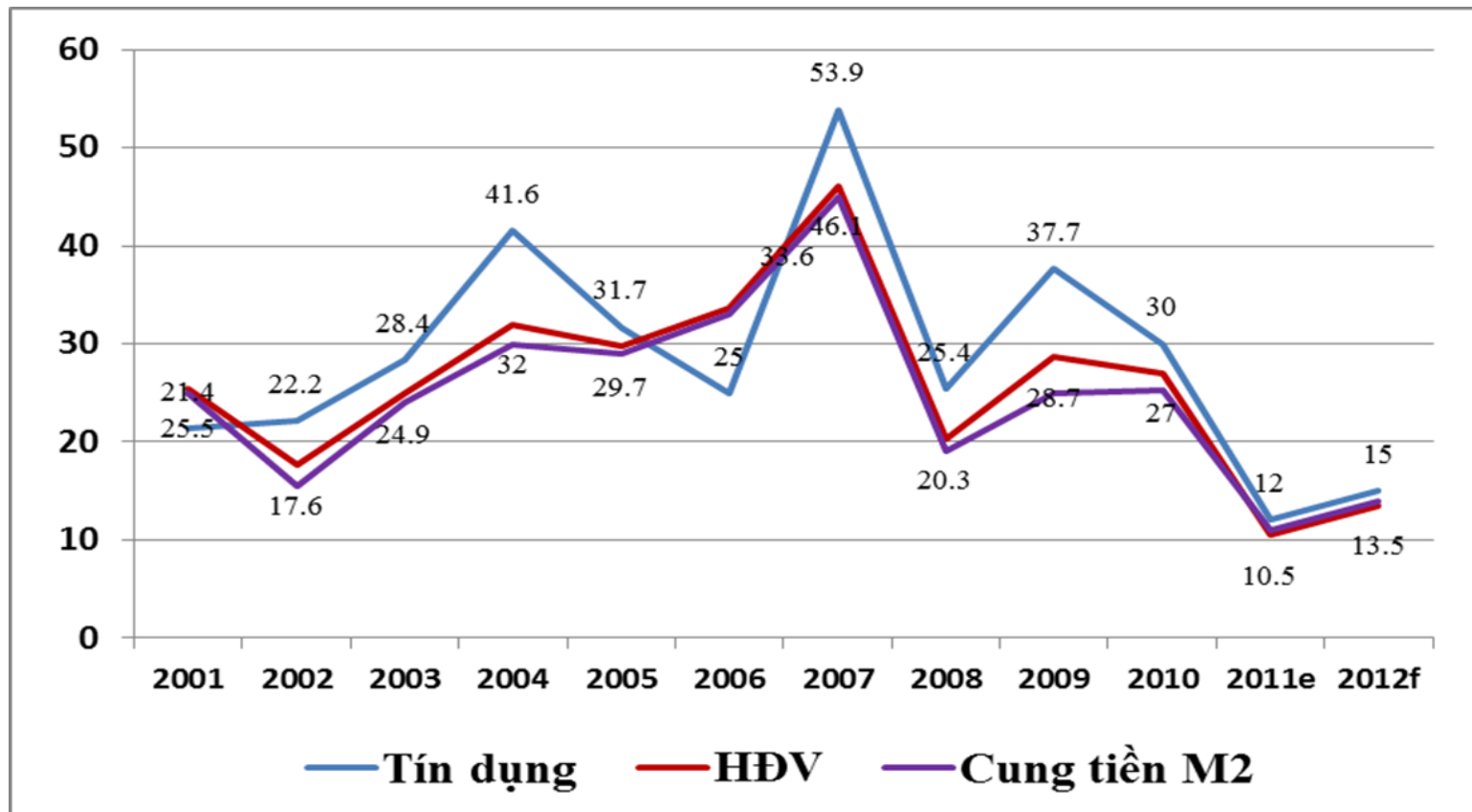


n: a Citi, EIU (2011).

t cao một phần là  
lạm phát”.

ng cao và “nhập khẩu

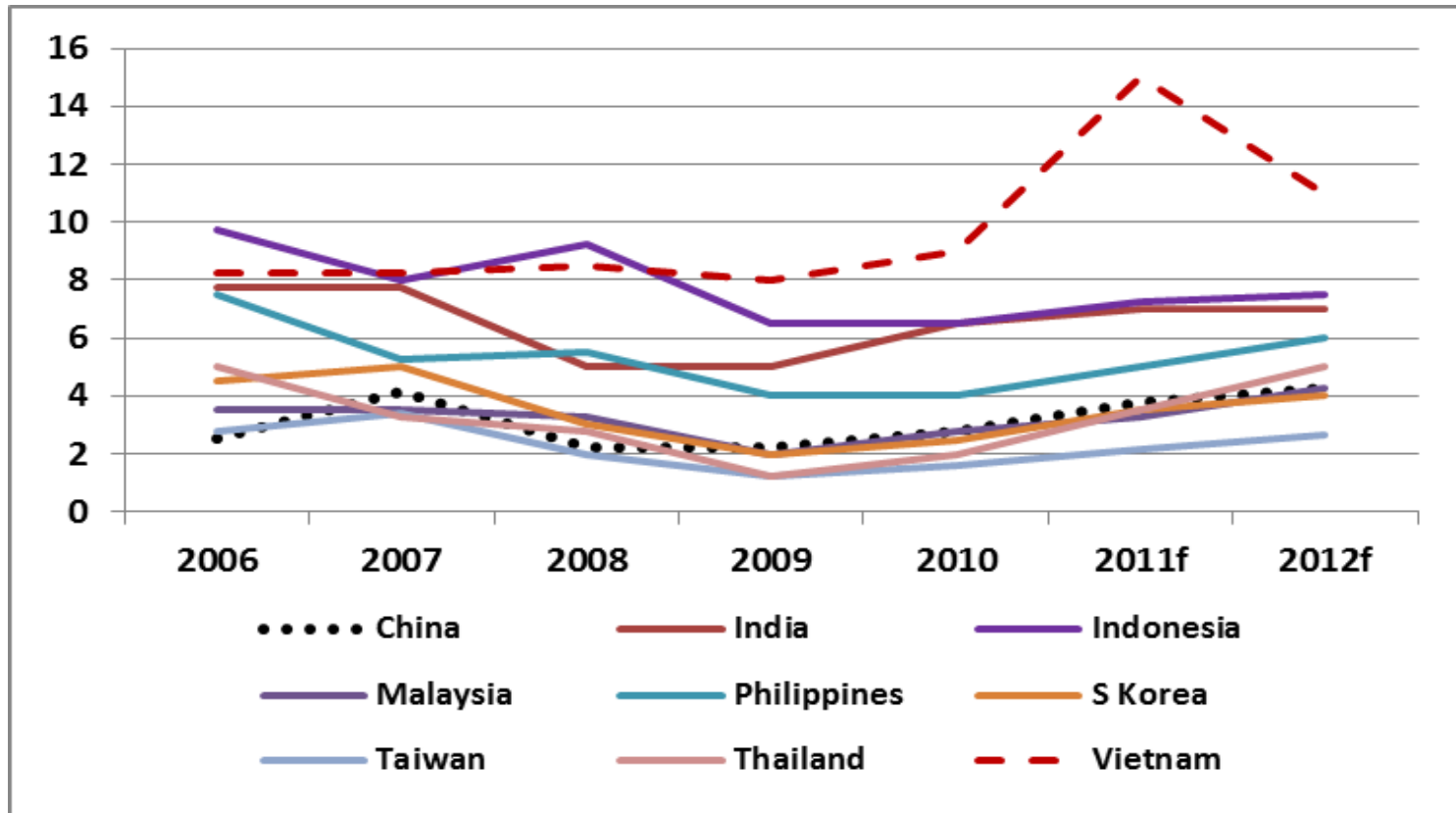
## nh 4: Tăng trưởng t                    ng, HĐV và cung tiền của VN (% , thay đổi hàng năm)



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước.

**Nhiều năm, tăng trưởng tín dụng cao hơn tăng trưởng HĐV.**

## nh 5: Lãi suất cơ bản/tái cấp vốn của VN so với khu vực (%)



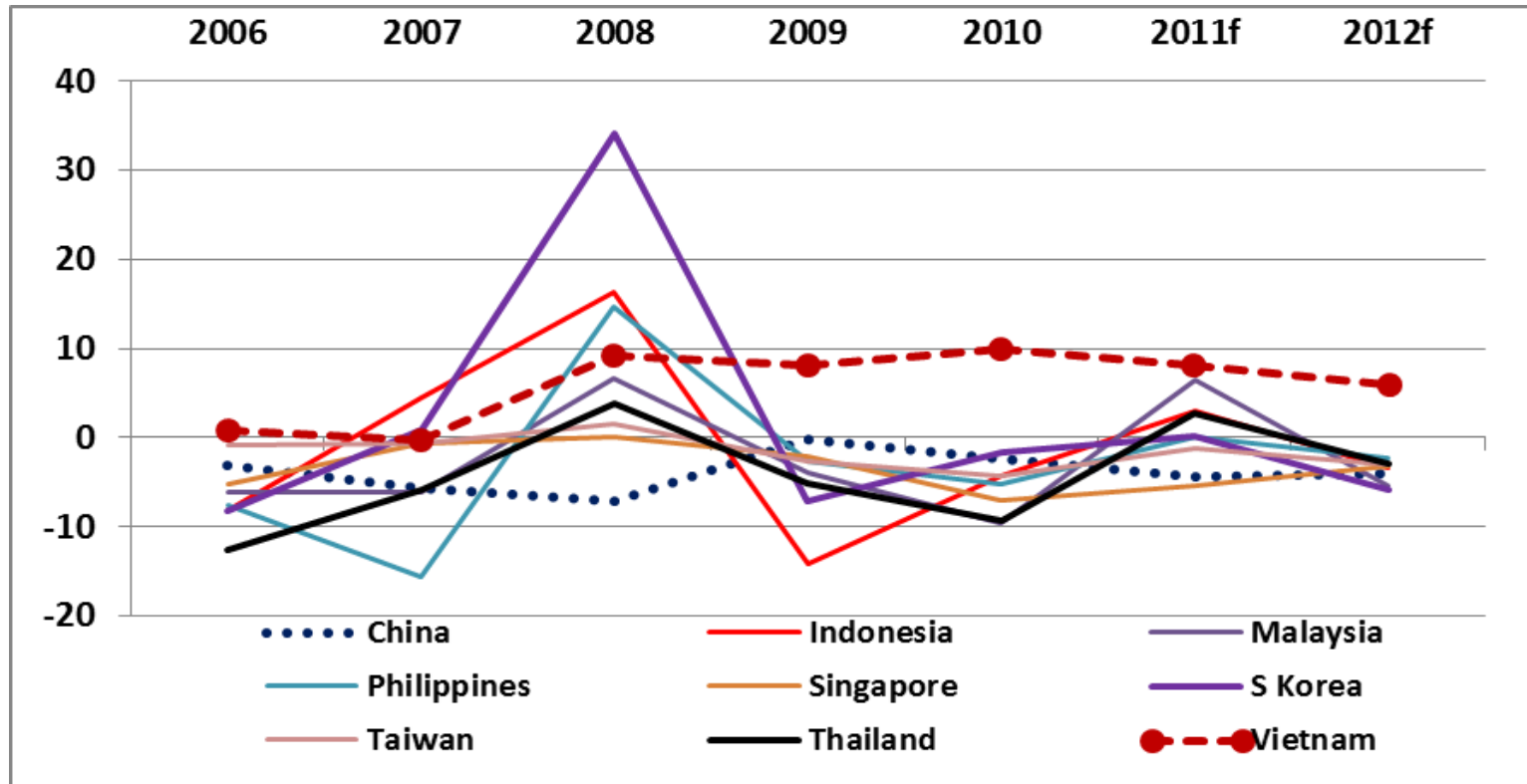
n:

a Citi, EIU (2011).

t cao, rất khó có thể duy trì mức

p.

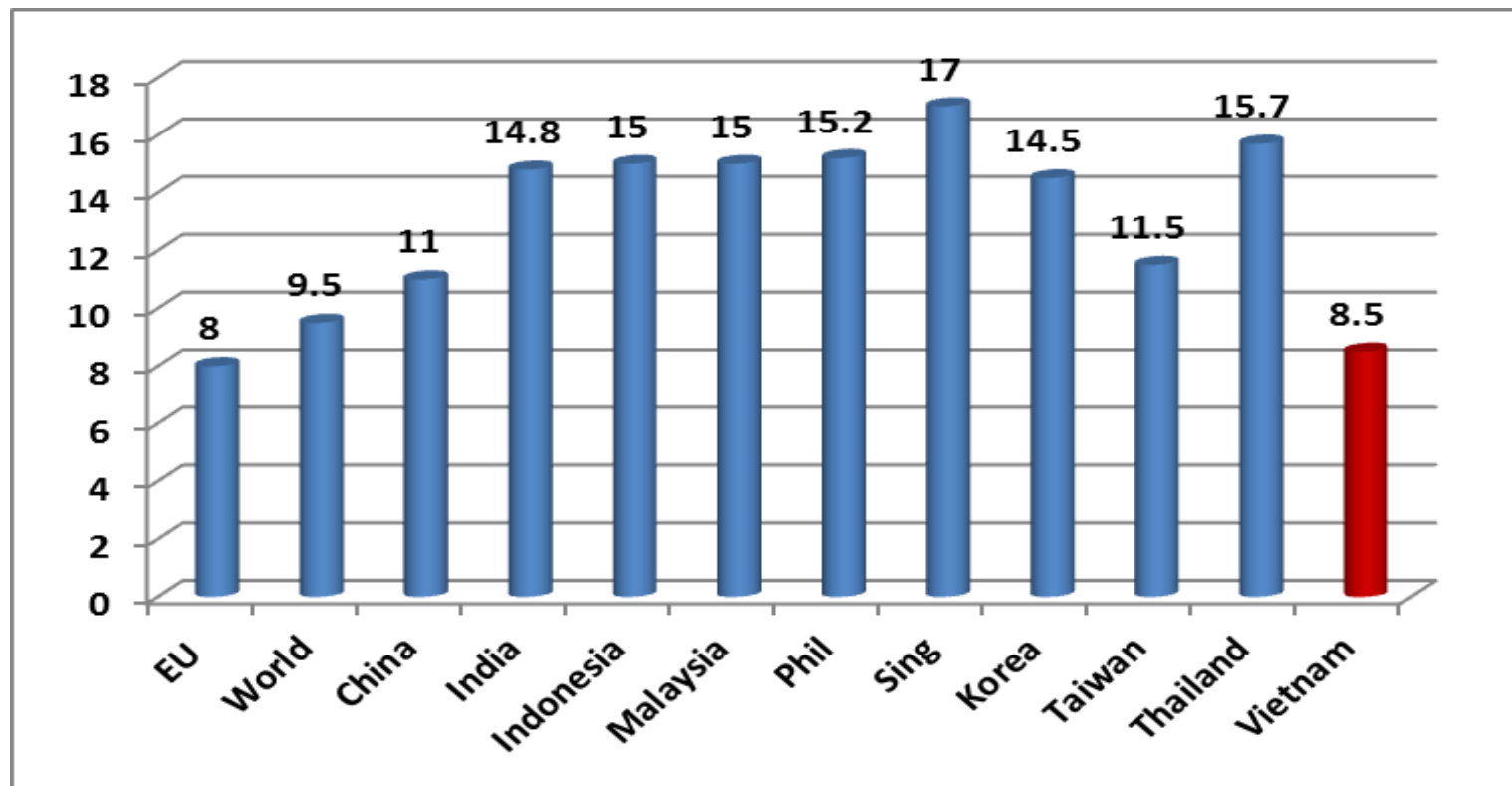
# nh 6: USD i VNĐ và n khác trong khu vực (% i, )



n: a Citi, EIU (2011).  
 ng với nhiều n Châu Á c, VND  
 i USD) kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008.

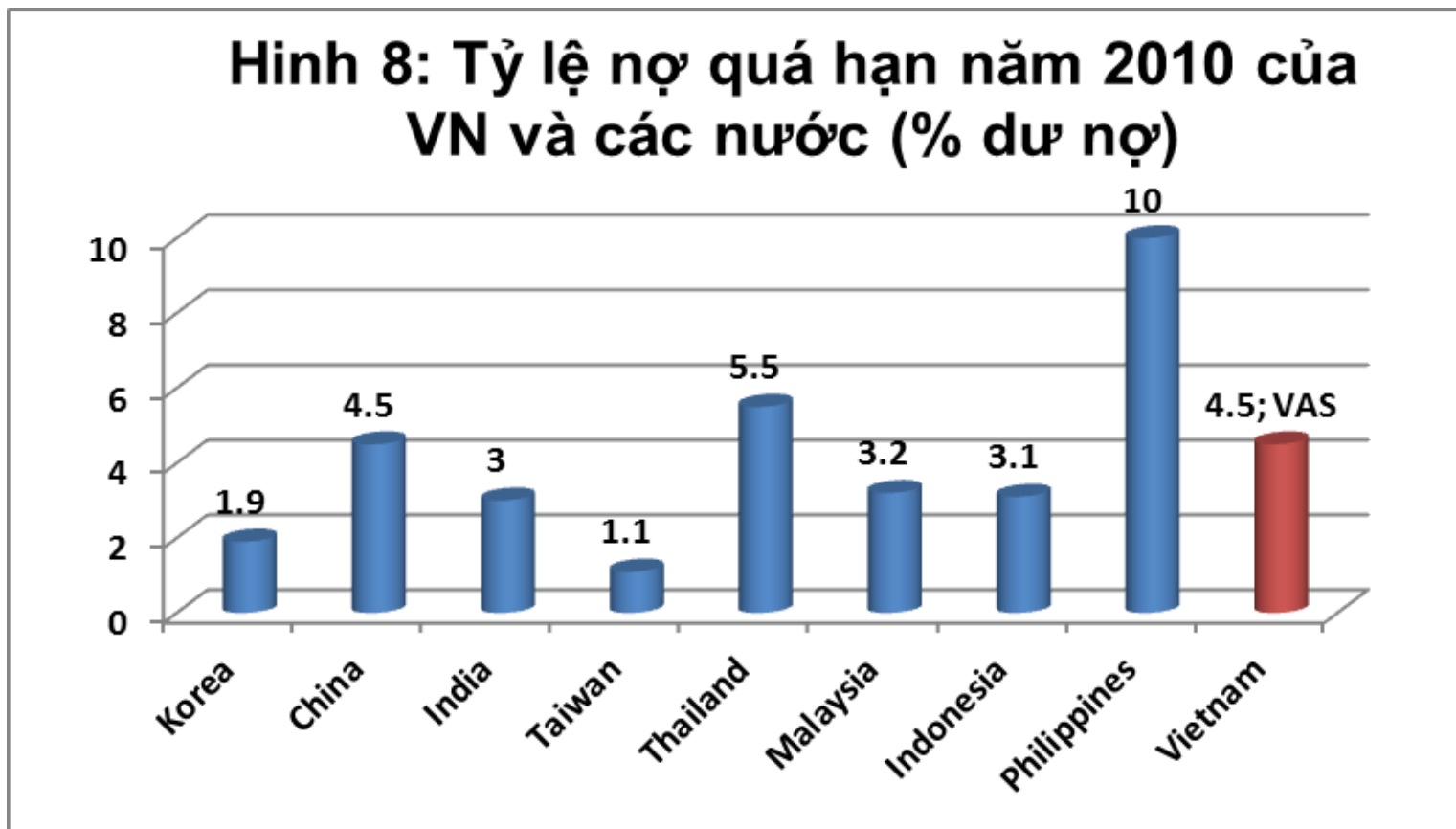
# Rủ ro an toàn vốn ở mức trung bình; nhưng hệ số CAR còn thấp so với khu vực

Hình 7: Hệ số CAR của các NHTM VN so với khu vực (2010, %)



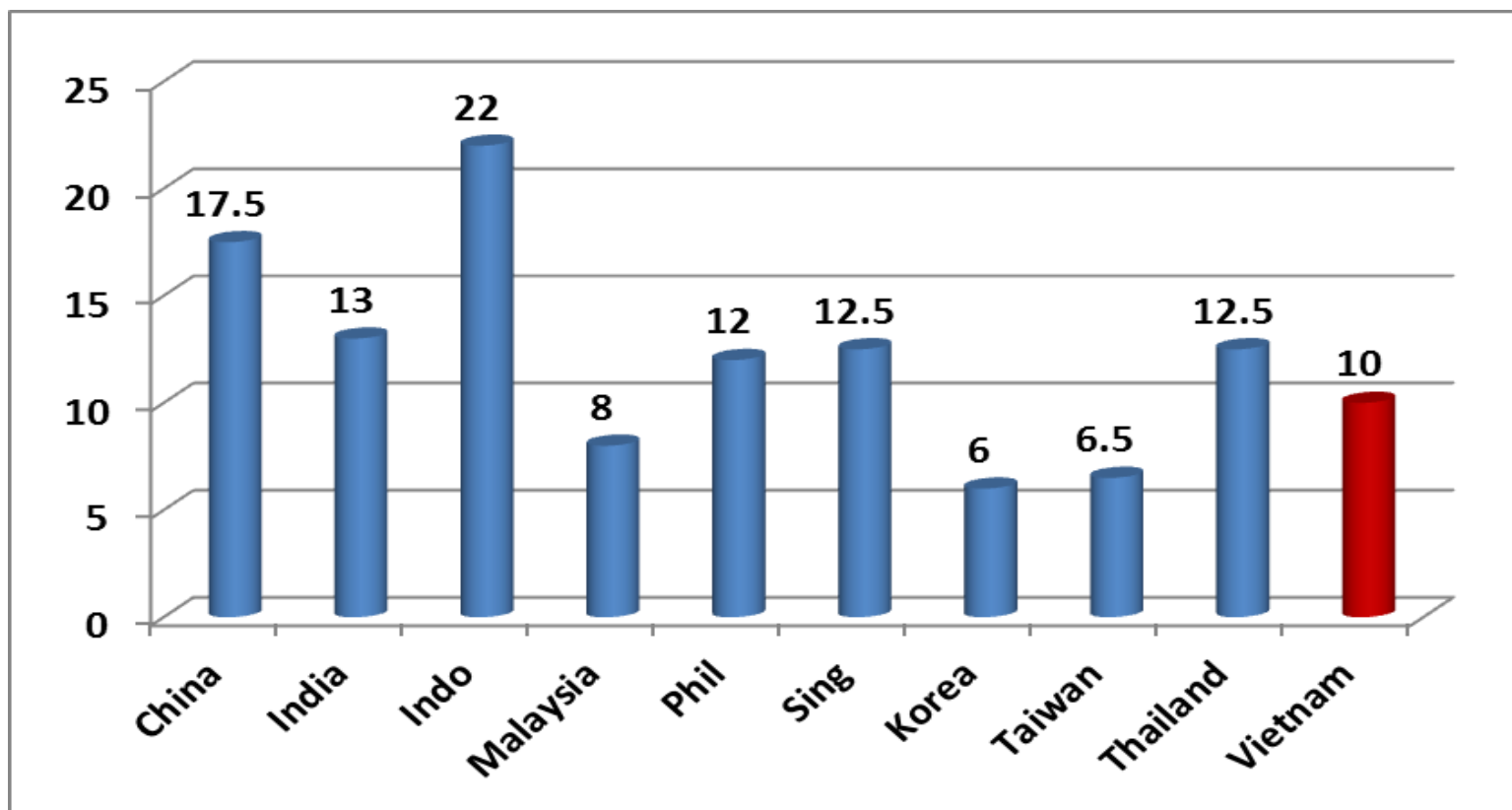
Nguồn: WB, FitchRatings 2011.

# Rủ ro tín dụng của hệ thống ngân hàng VN ở mức cao so với khu vực



Nguồn: FitchRatings, IMF, Central banks.

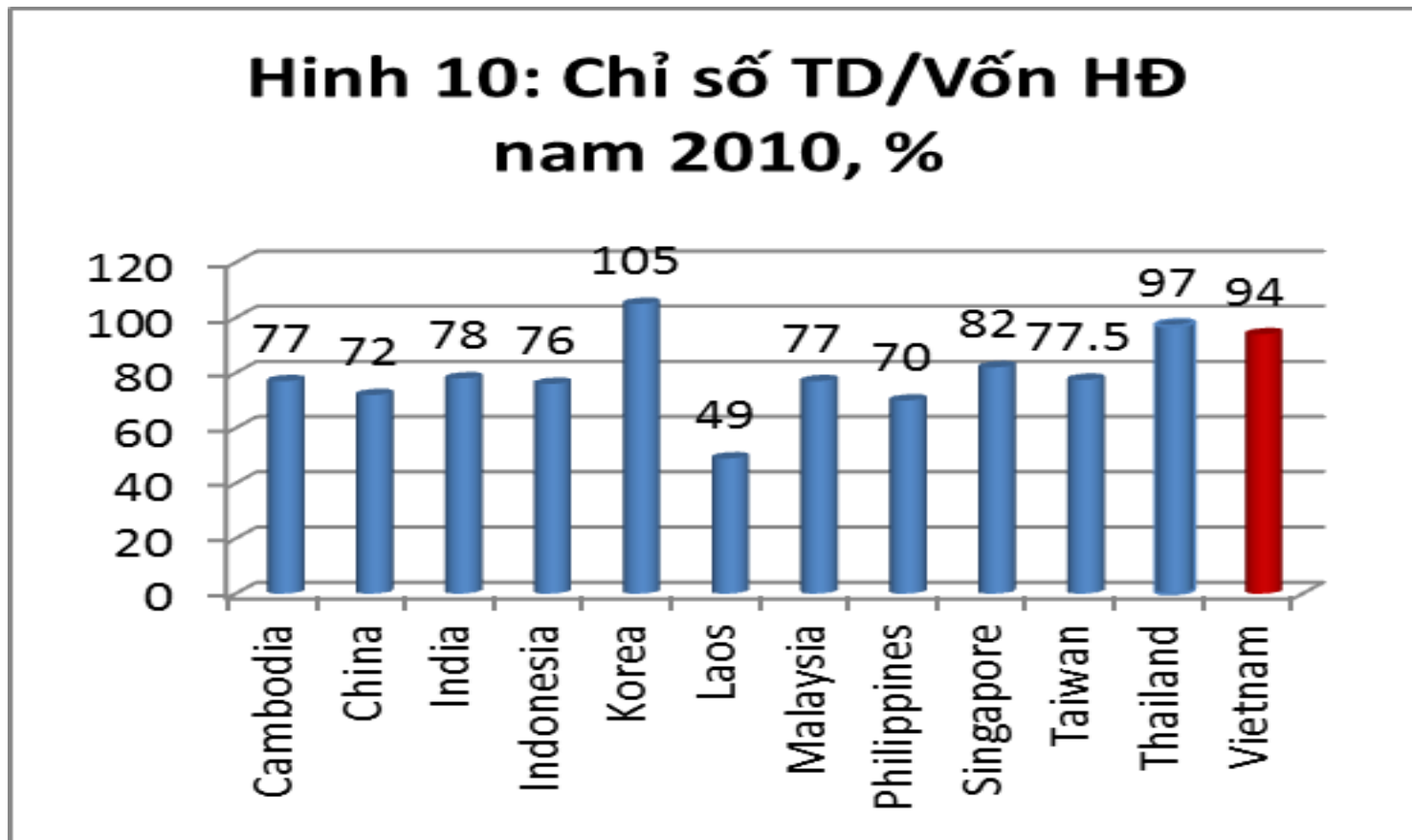
## Hình 9: Khả năng sinh lời (ROE, %, năm 2010) ở mức thấp (theo Fitch)



Nguồn: Fitch, IMF, Central banks.

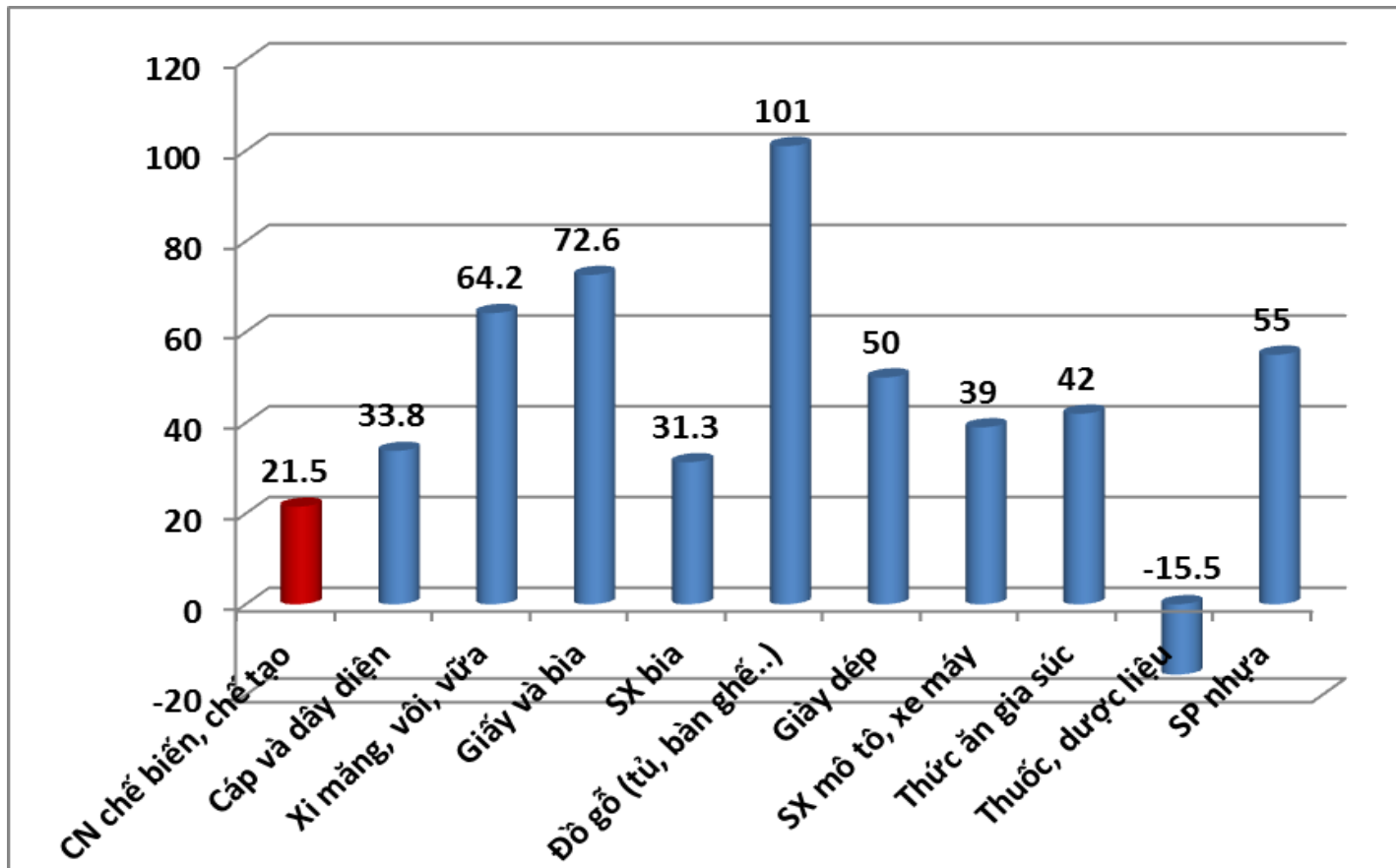


## Tuy nhiên, các NHTM VN luôn có nhiều rủi ro thanh khoản



Nguồn: FitchRatings 2011, Central banks.

# Hình 11: Mức tăng chỉ số hàng tồn kho 10 tháng đầu năm 2011 (% , so cùng kỳ năm 2010)



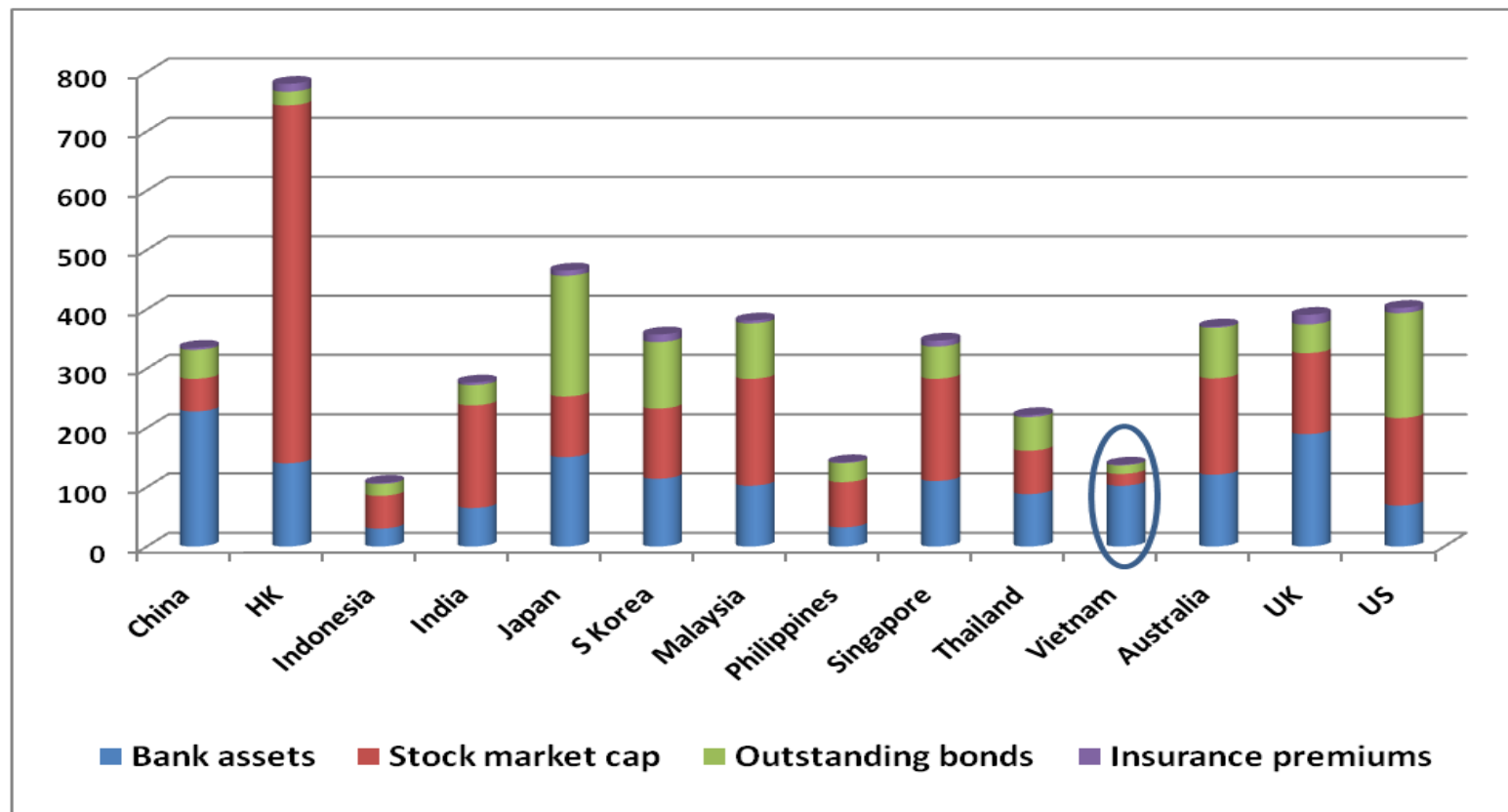
Nguồn: Tổng cục thống kê, MPI.

## 4. Cơ cấu hệ thống NHTM VN

- Là chủ lực trong khu vực tài chính
- Chúng ta có quá nhiều NH??? (không hẳn vậy!)
- NHTMCP đang ngày càng giữ vai trò quan trọng
- Vai trò của các tổ chức phi ngân hàng còn mờ nhạt.

# Thị trường tài chính Việt Nam

Hình 12: Qui mô thị trường tài chính của VN và các nước (% GDP 2008)



Nguồn: Tính toán theo Dữ liệu từ Beck et al. (2010) và WB Financial Development and Structure Data, cập nhật tháng 10/2010).

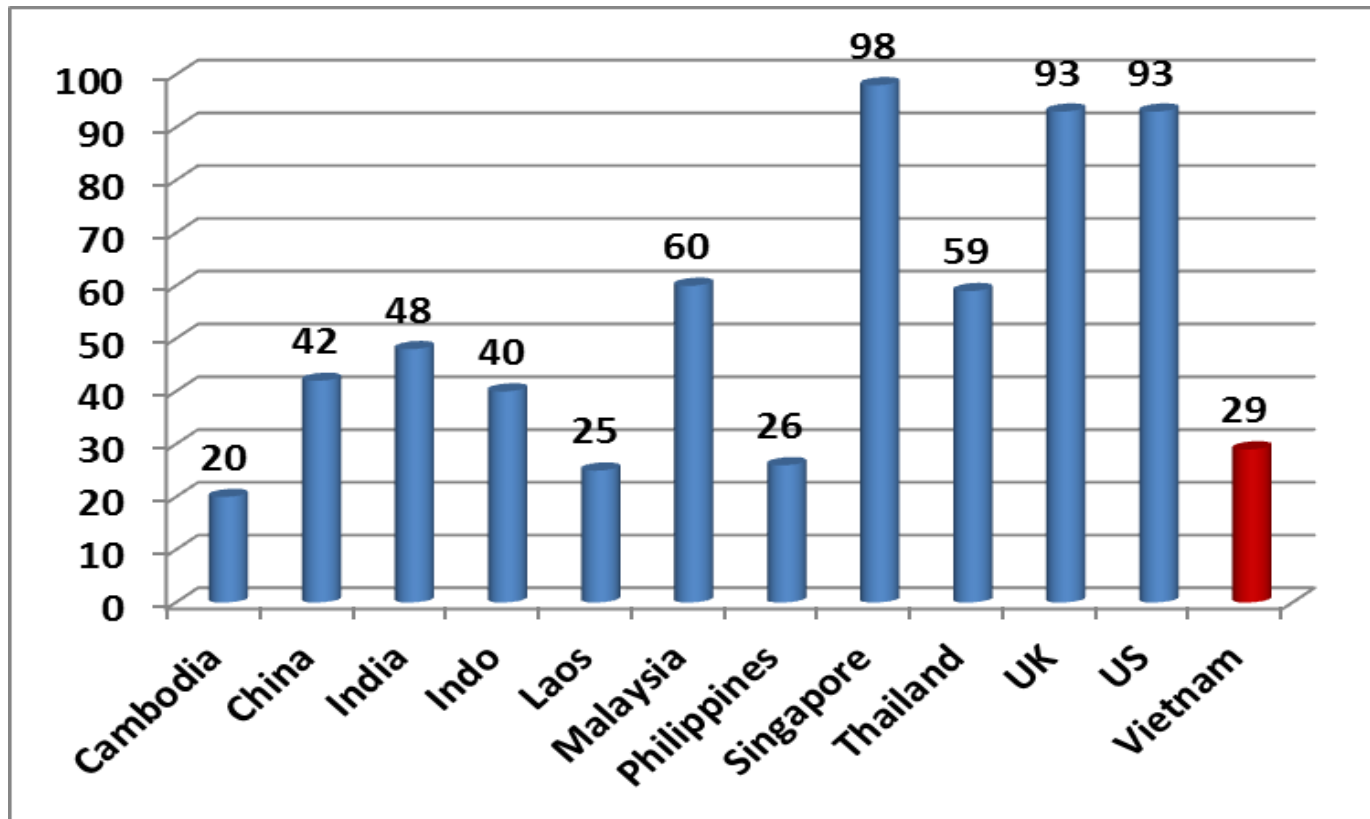
# Bảng 5: Cơ cấu thị trường tài chính VN năm 2010

Financial institutions	Asset share of financial sector	Regulator
<p><b>Banking and non-banking</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 5 state-owned commercial banks* (incl. Vietinbank &amp; VCB)</li> <li>• 2 development/policy banks</li> <li>• 36 joint-stock commercial banks</li> <li>• 5 joint-venture banks; 5 wholly foreign-owned banks</li> <li>• 46 foreign bank branches and 48 representative offices</li> <li>• 915 credit funds and credit cooperatives.</li> <li>• 17 finance companies; 13 financial leasing companies.</li> </ul>	<b>70%</b>	State Bank of Vietnam (SBV)
<b>Bonds (Gov't, corporate, bank bonds)</b>	<b>8.4%</b>	
<b>Insurance:</b> 53 insurance companies	0.84%	Ministry of Finance
<p><b>Securities:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• 102 securities companies, 22 fund management firms</li> <li>• 6 custodian banks, 1 designated settlement bank</li> <li>• 770 firms and 557 bonds listed on 2 stock exchanges</li> </ul>	<b>20%</b>	State Securities Commission (MOF)
<p><b>Other:</b> 1 state-managed social insurance fund</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Deposit Insurance of Vietnam (DIV)</li> <li>• Informal financial system</li> </ul>	1.1% n.a. n.a.	Government SBV Unregulated

Sources: SBV, World Bank, SSC, author's calculations.

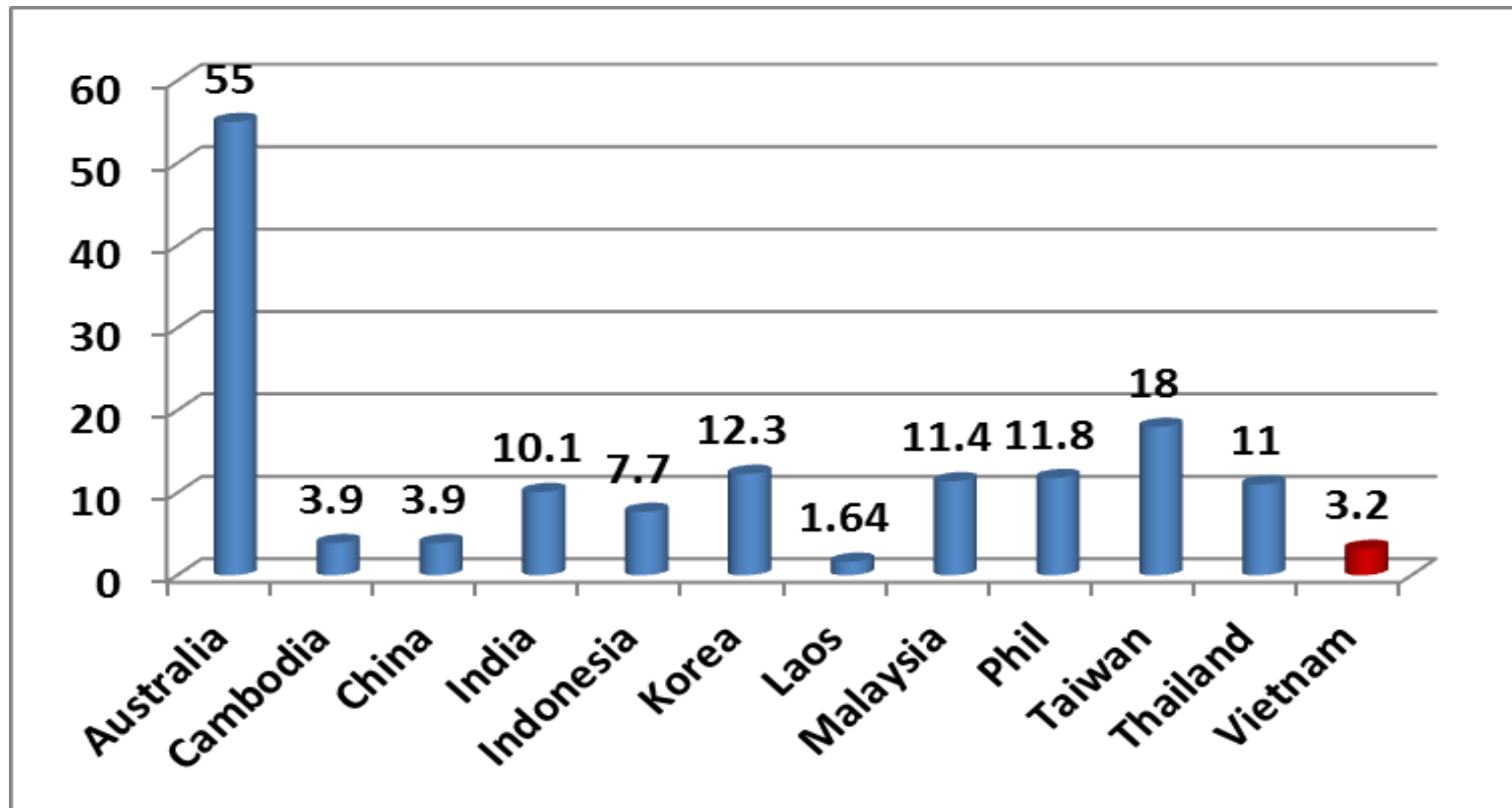
# Cơ cấu thị trường ngân hàng

Hình 13: Tỷ lệ % người lớn sử dụng dịch vụ NH (2009)



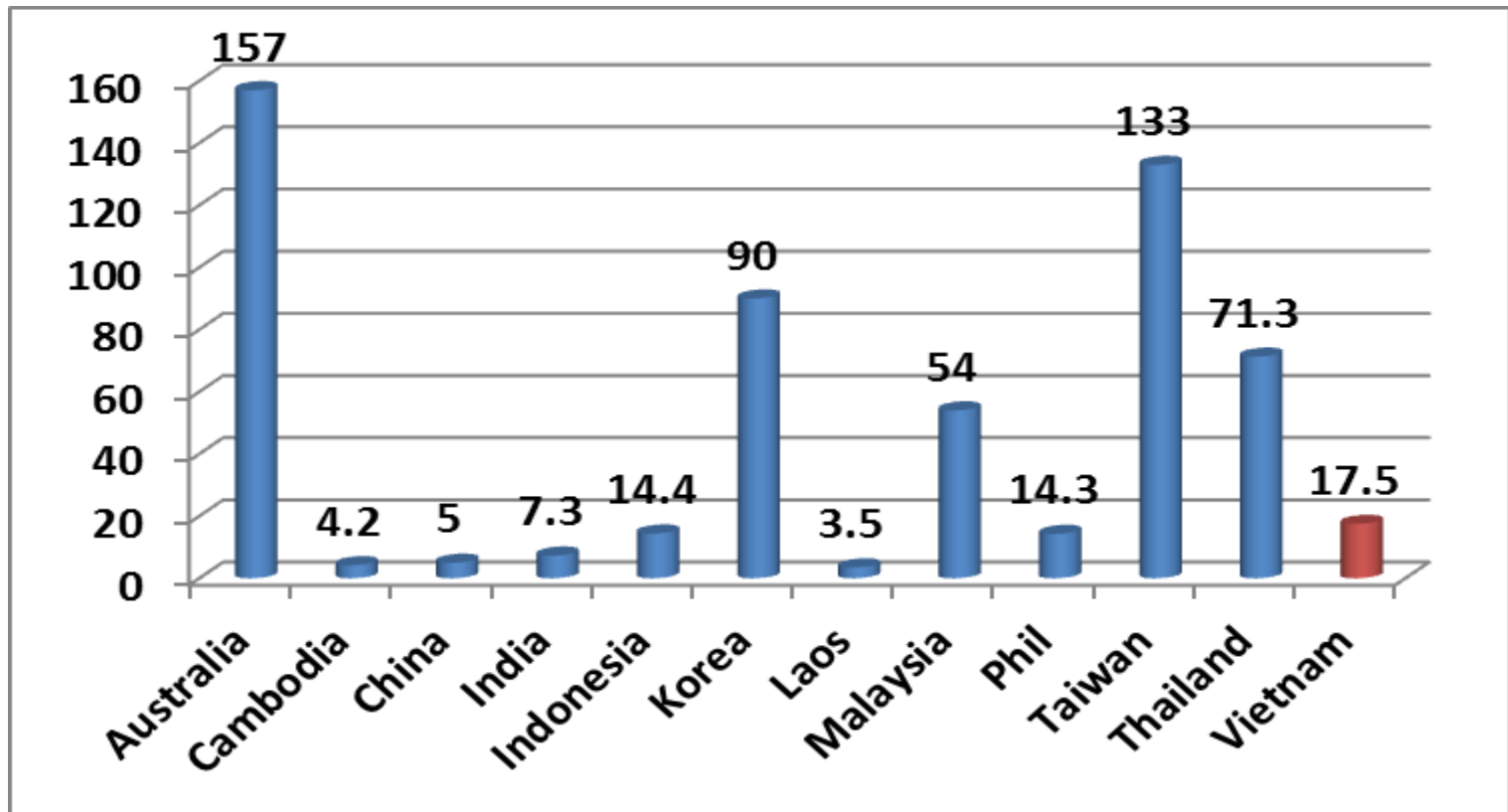
Nguồn: WB, ADB 2010.

# Hình 14: Số chi nhánh NHTM/100.000 người lớn năm 2009



Nguồn: WB, Central banks.

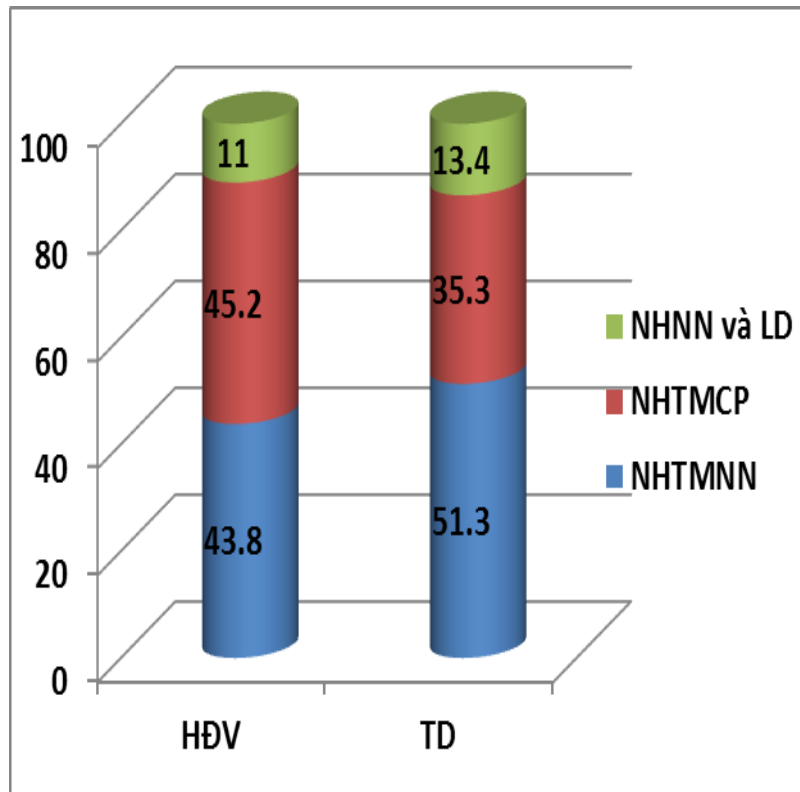
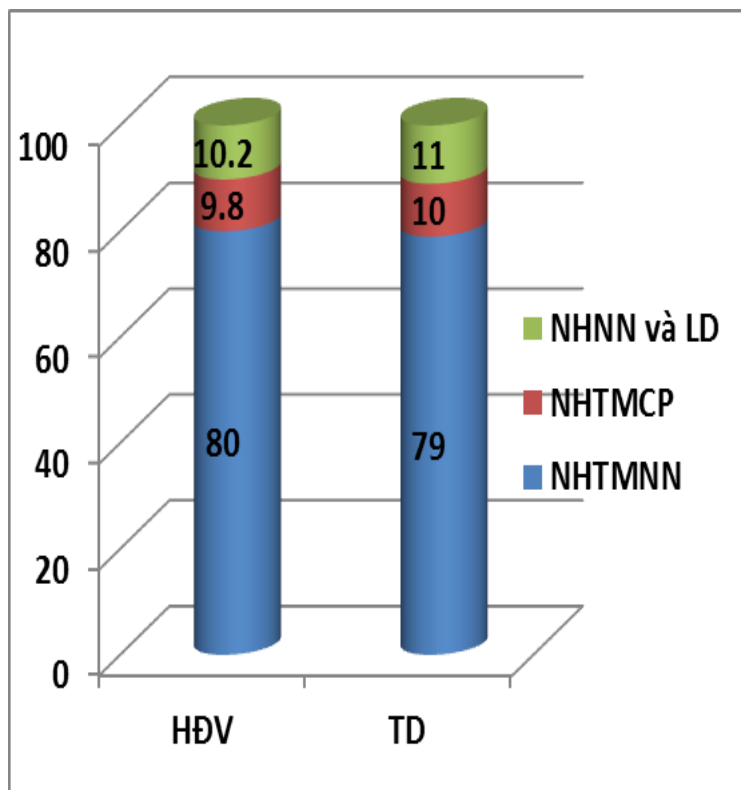
# Hình 15: Số ATM/100.000 người lớn (năm 2009)



Nguồn: WB, Central banks.



# Hình 16: Thị phần Huy động vốn và Tín dụng [% , 2001 (bên trái) vs. T10/2011 (bên phải)]



Nguồn: SBV 2011; A consultant project report by IBM Belgium, DMI, Ticon and TAC 2007.

# 5. Tái cơ cấu hệ thống NHTM tại VN: Gợi ý giải pháp

- **Kết hợp cả giải pháp tổng thể và riêng lẻ**
- **Nhóm giải pháp tổng thể:**
  - Hỗ trợ thanh khoản
  - Tiếp tục duy trì trần lãi suất?
  - Rà soát, sửa đổi qui định về phân loại nợ và trích lập DPRR
  - Lập lộ trình NH tăng vốn điều lệ (tính đến Basel II)
  - Rà soát qui định cấp phép
  - **Tăng cường vai trò của Bảo hiểm tiền gửi**

# Gợi ý giải pháp (tiếp)

- **Nhóm giải pháp tổng thể (tiếp):**
  - Thành lập Cơ quan tái cơ cấu hệ thống NH?
  - Hướng dẫn quy định mua-bán nợ quá hạn theo hướng mở hơn (TQ chứng khoán hóa nợ quá hạn từ năm 2004)
  - Tăng cường công tác thanh tra, giám sát
  - Ban hành quy định về quản lý rủi ro
  - Tăng tính độc lập của NHTW và cơ quan giám sát NH
  - **Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức phi ngân hàng (kể cả VDB và NHCSXH)**
  - **Kiên quyết tái cơ cấu DNNN và đầu tư; tái cơ cấu thị trường chứng khoán và bất động sản.**

# Gợi ý giải pháp (tiếp)

- **Nhóm giải pháp riêng lẻ cho khối NHTM:**
  - Xây dựng tiêu chuẩn và tiến hành đánh giá, xếp loại NHTM (mô hình CAMEL??) để tái cơ cấu và phân bổ tín dụng
  - NH yếu kém cần sáp nhập vào hoặc được hỗ trợ bởi 1 NH “khỏe mạnh”
  - Bơm vốn Nhà nước để cứu 1 số NH là cần thiết, nhưng phải có lộ trình thoái vốn thích hợp
  - Cho phép các nhà đầu tư tư nhân, kể cả nước ngoài, mua lại/bổ sung vốn một phần vào các NH có vấn đề
  - Trong đề án tái cơ cấu NHTM, phải xây dựng phương án tài chính cho chi phí tái cơ cấu (bảo lãnh phát hành TP?).

# Nhóm giải pháp riêng lẻ cho khối NHTM (tiếp)

- Cùng với việc áp dụng qui định phân loại nợ mới, **xử lý dứt điểm nợ xấu và tiếp tục tăng vốn tối thiểu**
- Xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện lộ trình tái cơ cấu của hệ thống NHTM (thường là 3-5 năm)
- **Yêu cầu từng NHTM tái cơ cấu** (tài chính, tổ chức, hoạt động..v.v.) và **đổi mới quản trị doanh nghiệp** trong ngân hàng.

# Các giải pháp khác

- Nghiên cứu thêm kinh nghiệm tái cơ cấu hệ thống NH của các nước khu vực (mục tiêu, lộ trình, kết quả ..v.v)
- Rút kinh nghiệm đợt tái cơ cấu lần trước (1998-2001)
- Thực hiện luôn cả “đổi mới” tổ chức và hoạt động của NHNN (vấn đề “thể chế”)
- Quyết tâm và ý chí chính trị là vô cùng quan trọng
- Phát triển thị trường trái phiếu và thị trường mua-bán nợ.

# Giải pháp khác???

- **Mời thảo luận**
- **Xin cảm ơn**